

Số: 436/QĐ-MNBC

Tân Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, phân bổ, bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023 của Trường Mầm Non Bàu Cát

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND quận Tân Bình về điều chỉnh dự toán kinh phí thường xuyên không giao tự chủ sang kinh phí thường xuyên giao tự chủ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, phân bổ, bổ sung ngân sách năm 2023 của trường Mầm Non Bàu Cát (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...



Đào Thụy Xuân Thảo

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	-
1	Chi quản lý hành chính	
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.601.795.000
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.533.635.000
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	68.160.000
3.2	Kinh phí tạm phân bổ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ vào dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ do chưa phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)	(4.601.795.000)
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-4.533.635.000
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	-68.160.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1007648
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường Mầm Non Bàu Cát
 Chương: 622



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
2	Chi quản lý hành chính	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	0
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.601.795.000
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.533.635.000
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	68.160.000
3.2	Kinh phí tạm phân bổ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ vào	(4.601.795.000)
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(4.533.635.000)
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	(68.160.000)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	



